

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1610 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 01610.26

Trang : 1/2

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC BIWASE BÌNH PHƯỚC  
Địa chỉ : Tổ 1, khu phố Mỹ Hưng, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước sinh hoạt  
Lượng mẫu : 1000+200ml  
Ngày nhận mẫu : 09/06/2026  
Ngày trả kết quả : 19/06/2026  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm tăng áp Chơn Thành - QL 13, phường Chơn Thành, Tp Đồng Nai  
Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai  
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín và bảo quản lạnh.

KHOA XÉT NGHIỆM  
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Dung

Đồng Nai, ngày 17 tháng 06 năm 2026



Nguyễn Xuân Quang



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                     |             |
|---------------------|-------------|
| Mã số mẫu: 01610.26 | Trang : 2/2 |
|---------------------|-------------|

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

| Stt | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp                       | Kết quả         | Tiêu chuẩn       | Ngày xét nghiệm |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|------------------|-----------------|
| 1   | Escherichia coli*                                                   | TCVN 6187-1: 2019                 | 0/100ml         | < 1CFU/100ml     | 09/06/2026      |
| 2   | Coliform tổng số*                                                   | TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc ) | 0/100ml         | < 1CFU/100ml     | 09/06/2026      |
| 3   | Clo dư tự do                                                        | Chlorine test                     | 0,71 mg/l       | 0,2 - 1,0 (mg/l) | 09/06/2026      |
| 4   | Độ đục                                                              | Turbidity AL450T-IR               | 0,12 NTU        | ≤ 2 NTU          | 09/06/2026      |
| 5   | Màu sắc                                                             | TCVN 6185:2015                    | Không phát hiện | ≤ 15 TCU         | 12/06/2026      |
| 6   | Mùi                                                                 | Cảm quan                          | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ  | 09/06/2026      |
| 7   | pH*                                                                 | TCVN 6492:2011                    | 7,64            | 6,0 - 8,5        | 09/06/2026      |
| 8   | Arsenic (As)                                                        | SMEWW 3125 B: 2023                | Không phát hiện | ≤ 0,01mg/l       | 12/06/2026      |
| 9   | Chỉ số Pecmanganat                                                  | TCVN 6186:1996                    | 0,32 mg/l       | ≤ 2mg/l          | 10/06/2026      |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> Tính theo N) | TCVN 6179:1996                    | 0,02 mg/l       | ≤ 1 mg/l         | 12/06/2026      |

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

- Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
  - (\*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

